

BỘ CÔNG AN**BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 103/2025/TT-BCA

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2025

THÔNG TƯ**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình***Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;**Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;**Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an và Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;**Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình.***Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình - QCVN 10:2025/BCA.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.

2. Hồ sơ thiết kế xây dựng đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm duyệt, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trước khi Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt, thẩm định. Đối với công trình không thuộc diện phải thẩm định hoặc thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được cấp phép xây dựng, tổ chức thi công hoặc nghiệm thu đưa vào sử dụng trước khi Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện việc trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực tại thời điểm cấp phép xây dựng, tổ chức thi công hoặc đưa vào sử dụng.

3. Nhà, công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật, khi cải tạo làm tăng quy mô hoặc thay đổi công năng sử dụng hoặc thay đổi hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của bộ phận, khu vực hoặc cải tạo hệ thống phòng cháy, chữa cháy thì cho phép áp dụng các quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của Quy chuẩn này đối với các bộ phận, khu vực trực tiếp được cải tạo, sửa chữa.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc phát sinh, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 10:2025/BCA

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ TRANG BỊ, BỐ TRÍ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ CHO
NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH**

*National technical regulation on providing and arranging fire
prevention, firefighting, and rescue facilities for buildings and
constructions*

HÀ NỘI - 2025

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

1 QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

1.2 Đối tượng áp dụng

1.3 Tài liệu viện dẫn

1.4 Giải thích từ ngữ

1.5 Yêu cầu chung

2 QUY ĐỊNH VỀ TRANG BỊ, BỐ TRÍ PHƯƠNG TIỆN, HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH

2.1 Trang bị, bố trí hệ thống, thiết bị báo cháy tự động

2.2 Trang bị, bố trí phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn

2.3 Trang bị, bố trí hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà

2.4 Trang bị, bố trí hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà

2.5 Trang bị, bố trí hệ thống, thiết bị chữa cháy tự động

2.6 Trang bị, bố trí bình chữa cháy

2.7 Trang bị, bố trí dụng cụ phá dỡ thô sơ; mặt nạ lọc độc và mặt nạ phòng độc cách ly

2.8 Trang bị, bố trí phương tiện chữa cháy cơ giới

3 QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

PHỤ LỤC A Quy định về trang bị hệ thống báo cháy tự động, thiết bị báo cháy độc lập và hệ thống chữa cháy tự động, thiết bị chữa cháy tự động kích hoạt

PHỤ LỤC B Quy định về trang bị hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà

PHỤ LỤC C Quy định về trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà

PHỤ LỤC D Quy định về trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới

PHỤ LỤC E Quy định về trang bị dụng cụ phá dỡ thô sơ

PHỤ LỤC F Quy định về trang bị mặt nạ lọc độc và mặt nạ phòng độc cách ly

PHỤ LỤC G Quy định về trang bị hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn

PHỤ LỤC H Yêu cầu về thiết kế, lắp đặt hệ thống

THƯ MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

QCVN 10:2025/BCA

LỜI NÓI ĐẦU

QCVN 10:2025/BCA do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Công an ban hành kèm theo Thông tư số 103/2025/TT-BCA ngày 04 tháng 11 năm 2025.

QCVN 10:2025/BCA

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ TRANG BỊ, BỐ TRÍ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH***National technical regulation on providing and arranging fire prevention, firefighting, and rescue facilities for buildings and constructions*****1. QUY ĐỊNH CHUNG****1.1 Phạm vi điều chỉnh**

1.1.1 Quy chuẩn này quy định về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà, công trình, hạ tầng kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy của khu đô thị, khu nhà ở, khu dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục, thể thao (gọi chung là nhà, công trình) khi xây dựng mới hoặc khi cải tạo, thay đổi trong các trường hợp sau:

- Cải tạo làm tăng quy mô hoặc thay đổi công năng sử dụng hoặc thay đổi hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của gian phòng, nhà, công trình;

- Cải tạo làm tăng quy mô của khu đô thị, khu nhà ở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục, thể thao.

1.1.2 Nhà, công trình phục vụ mục đích quốc phòng, quân sự, an ninh, trật tự thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được lựa chọn áp dụng quy định của Quy chuẩn này.

1.1.3 Trường hợp có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho từng loại công trình cụ thể thì áp dụng theo quy định của quy chuẩn đó.

1.1.4 Việc trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tuân thủ theo các tiêu chuẩn đã được viện dẫn trong Quy chuẩn này. Trường hợp Quy chuẩn này chưa có quy định thì việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài đối với việc trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà, công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

1.1.5 Đối với việc trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho công trình đặc thù (nhà máy điện; cơ sở hạt nhân; cơ sở sản xuất, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; kho vật liệu nổ công nghiệp,

QCVN 10:2025/BCA

tiền chất thuốc nổ; cơ sở khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, bảo quản dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt trên đất liền; kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ; kho khí đốt; cảng xuất, nhập dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt; bãi đỗ xe) ngoài tuân thủ theo quy định của Quy chuẩn này thì lựa chọn tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài để áp dụng.

1.1.6. Trong một số trường hợp riêng biệt, có thể xem xét thay thế một số yêu cầu của Quy chuẩn này đối với công trình cụ thể khi có luận chứng kỹ thuật nêu rõ các giải pháp bổ sung, thay thế để bảo đảm an toàn cháy cho công trình và luận chứng này phải được cơ quan quản lý về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chấp thuận, cụ thể: đối với công trình quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chấp thuận; đối với công trình quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 36/2025/TT-BCA, công trình không thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy nhưng thuộc đối tượng phải trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh chấp thuận.

1.2 Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình trên lãnh thổ Việt Nam.

1.3 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng Quy chuẩn này. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả sửa đổi, bổ sung (nếu có):

QCVN 10:2025/BCA

Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

QCVN 06:/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

TCVN 6100 Phòng cháy chữa cháy - Chất chữa cháy - Cacbon Dioxid.

TCVN 6101 Thiết bị chữa cháy - Hệ thống chữa cháy cacbon dioxid - Thiết kế và lắp đặt.

TCVN 6379 Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy.

TCVN 7026 Phòng cháy chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay - Tính năng và cấu tạo.

TCVN 7027 Phòng cháy chữa cháy - Bình chữa cháy có bánh xe - Tính năng và cấu tạo.

TCVN 7161 (tất cả các phần) Hệ thống chữa cháy bằng khí - Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống.

TCVN 7336 Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt - Yêu cầu thiết kế và lắp đặt.

TCVN 7435-1 Phòng cháy, chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy - Phần 1: Lựa chọn và bố trí.

TCVN 7568-14 Hệ thống báo cháy - Phần 14: Thiết kế, lắp đặt các hệ thống báo cháy cho nhà và công trình.

TCVN 7568-25 Hệ thống báo cháy - Phần 25: Các bộ phận sử dụng đường truyền vô tuyến.

TCVN 9255 Tiêu chuẩn tính năng trong tòa nhà - Định nghĩa, phương pháp tính các chỉ số diện tích và không gian.

TCVN 12110 Phòng cháy chữa cháy - Bơm ly tâm chữa cháy loại khiêng tay dùng động cơ đốt trong - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra.

QCVN 10:2025/BCA

TCVN 12314 (tất cả các phần) Phòng cháy chữa cháy - Bình chữa cháy tự động kích hoạt.

TCVN 13316 (tất cả các phần) Phòng cháy chữa cháy - Xe ô tô chữa cháy.

TCVN 13332 Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp - Mặt nạ trùm toàn bộ khuôn mặt - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.

TCVN 13333 Hệ thống chữa cháy bằng Sol-khí - Yêu cầu về thiết kế, lắp đặt, kiểm tra và bảo dưỡng.

TCVN 13456 Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - Yêu cầu thiết kế, lắp đặt.

TCVN 13657-1 Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy phun sương cao áp - Phần 1: Yêu cầu thiết kế và lắp đặt.

TCVN 13877-2 Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy bằng bột - Phần 2: Yêu cầu thiết kế.

TCVN 13926 Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy - Hệ thống chữa cháy đóng gói (Package).

TCVN 14496 Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước cho nhà kho có chiều cao sắp xếp hàng hóa trên giá đỡ cao trên 5,5 m đến 25 m - Yêu cầu thiết kế.

TCVN 13967 Nhà ở riêng lẻ - Yêu cầu chung về thiết kế.

NFPA 15 Standard for Water Spray Fixed Systems for Fire Protection (Tiêu chuẩn áp dụng cho hệ thống phun nước chữa cháy cố định).

1.4 Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.4.1

Trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà, công trình

Là việc xác định về số lượng, chủng loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ riêng lẻ (độc lập) hoặc để tạo thành hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy, hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn) để thiết kế, bố trí, lắp đặt cho nhà, công trình.

1.4.2**Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**

Là phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới, phương tiện thông dụng, thiết bị, máy móc, dụng cụ, chất chữa cháy các loại được sử dụng cho việc phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

1.4.3**Hệ thống chữa cháy**

Là tổ hợp các thiết bị kỹ thuật chuyên dùng và chất chữa cháy dùng để dập tắt đám cháy.

1.4.4**Hệ thống chữa cháy tự động**

Hệ thống chữa cháy được tự động kích hoạt xả chất chữa cháy khi các yếu tố của đám cháy đạt đến giá trị được thiết lập trong khu vực bảo vệ, có chức năng giám sát xả và dừng xả/dừng kích hoạt xả chất chữa cháy (ví dụ: hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, gốc nước; hệ thống chữa cháy tự động bằng bọt; hệ thống chữa cháy tự động bằng khí, sol-khí; hệ thống chữa cháy tự động bằng bột).

1.4.5**Thiết bị chữa cháy tự động kích hoạt**

Thiết bị chữa cháy tự động kích hoạt gồm bình chứa chất chữa cháy bằng khí, bột, sol-khí và các bộ phận khác có liên quan tự động xả chất chữa cháy khi có tác động của nhiệt độ đạt đến ngưỡng tác động kích hoạt của bộ phận cảm biến nhiệt.

1.4.6**Hạng nước chữa cháy trong nhà (vòi, lăng chữa cháy, đầu nối, van)**

Tổ hợp các thiết bị chuyên dùng được lắp đặt, trang bị sẵn để triển khai đưa nước đến đám cháy.

1.4.7**Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà**

Hệ thống các thiết bị chuyên dùng được lắp đặt ngoài nhà để cấp nước phục vụ cho hoạt động chữa cháy.

1.4.8**Hệ thống báo cháy tự động**

Hệ thống tự động phát hiện và thông báo địa điểm cháy. Hệ thống báo cháy tự động bao gồm các bộ phận cơ bản: trung tâm báo cháy, đầu báo cháy, hộp nút ấn báo cháy, chuông đèn báo cháy, các bộ phận liên kết, nguồn điện. Tùy theo yêu cầu, hệ thống báo cháy còn có các module, các thiết bị truyền tín hiệu, giám sát, các bộ phận cấu thành có liên quan. Hệ thống báo cháy tự động gồm hệ thống báo cháy thường và hệ thống báo cháy địa chỉ.

1.4.9**Hệ thống báo cháy thường**

Khi báo cháy sẽ báo đến một khu vực và khu vực đó có thể có một hoặc nhiều đầu báo cháy.

1.4.10**Hệ thống báo cháy địa chỉ**

Khi báo cháy sẽ báo đến từng thiết bị địa chỉ trong hệ thống (đầu báo cháy địa chỉ, module, nút ấn báo cháy địa chỉ...).

1.4.11**Thiết bị báo cháy độc lập**

Thiết bị tự động phát hiện và cảnh báo cháy bằng âm thanh.

CHÚ THÍCH: Các thiết bị báo cháy độc lập khi được lắp đặt trong cùng một nhà và công trình phải được liên kết với nhau, đảm bảo tất cả cùng phát tín hiệu báo cháy khi có một thiết bị được kích hoạt.

1.4.12**Mặt nạ lọc độc**

Thiết bị bảo hộ cá nhân để bảo vệ cơ quan hô hấp của người sử dụng trong một thời gian và ở giới hạn nồng độ ô xy trong không khí nhất định.

1.4.13**Mặt nạ phòng độc cách ly**

Thiết bị bảo hộ cá nhân để bảo vệ cơ quan hô hấp của người sử dụng chống lại sự xâm nhập của không khí bên ngoài. Thiết bị bảo hộ cá nhân gồm mặt trùm toàn bộ khuôn mặt và bình khí thở.

1.4.14**Dụng cụ phá dỡ thô sơ**

Dụng cụ phá dỡ thô sơ gồm rìu, xà beng, búa, kìm.

1.4.15**Công trình**

Sản phẩm được tạo thành bởi sức lao động của con người, sử dụng vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, được liên kết định vị với đất, có thể bao gồm phần dưới mặt đất, phần trên mặt đất, phần dưới mặt nước và phần trên mặt nước, được xây dựng theo thiết kế.

1.4.16**Hạ tầng kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy**

Bao gồm hệ thống cung cấp nước, hệ thống giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, phương tiện chữa cháy cơ giới phục vụ phòng cháy, chữa cháy của khu đô thị, khu nhà ở, khu dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục, thể thao.

1.4.17**Nhà**

Công trình xây dựng có chức năng chính là bảo vệ, che chắn cho người hoặc vật chứa bên trong, thông thường được bao che một phần hoặc toàn bộ và được xây dựng ở một vị trí cố định.

1.4.18**Nhà hỗn hợp**

Nhà dân dụng có nhiều công năng sử dụng khác nhau (ví dụ: một nhà được thiết kế sử dụng làm văn phòng, dịch vụ thương mại, hoạt động công cộng...), không bao gồm nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh.

1.4.19**Nhà chung cư**

Nhà chung cư quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Nhà ở.

QCVN 10:2025/BCA**1.4.20****Nhà sản xuất thuộc cơ sở sản xuất (nhà sản xuất)**

Nhà mà bên trong có các hoạt động sản xuất và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho con người làm việc và vận hành các thiết bị công nghệ.

1.4.21**Kho lạnh**

Một hoặc nhiều phòng được cách nhiệt và làm lạnh có nhiệt độ từ -30°C đến $+5^{\circ}\text{C}$ để bảo quản thực phẩm, hàng hóa ở nhiệt độ quy định. Nếu diện tích sàn của kho không vượt quá 10m^2 và thiết kế của kho không cho phép người đi vào thì không được xác định là kho lạnh.

1.4.22**Gian phòng**

Không gian bên trong nhà, công trình có công năng nhất định và được giới hạn bởi các kết cấu xây dựng.

1.4.23**Chiều cao phòng cháy, chữa cháy(chiều cao PCCC)**

Chiều cao PCCC của nhà được xác định theo quy định tại QCVN 06:/BXD.

1.4.24**Số tầng nhà**

Số tầng của nhà trong Quy chuẩn này bao gồm toàn bộ các tầng trên mặt đất (kể cả tầng kỹ thuật, tầng tum) và tầng bán/nửa hầm, không bao gồm tầng áp mái.

CHÚ THÍCH:

Tầng tum không tính vào số tầng nhà của công trình khi chỉ có chức năng sử dụng để bao che lồng cầu thang bộ/giếng thang máy và che chắn các thiết bị kỹ thuật của công trình (nếu có), có diện tích mái tum không vượt quá 30% diện tích sàn mái.

Đối với nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh, tầng lửng không tính vào số tầng của công trình khi diện tích sàn tầng lửng không vượt quá 65% diện tích sàn xây dựng của tầng ngay bên dưới.

Đối với nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh thiết kế lệch tầng thì xác định số tầng tham khảo theo TCVN 13967.

Đối với nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi áp dụng của TCVN 13967, cho phép áp dụng quy định tại 9.1.2 của TCVN 13967 để xác định số tầng (chiều cao PCCC) của nhà.

QCVN 10:2025/BCA

Đối với công trình nhà kho, nhà sản xuất thì sàn giá đỡ và sàn lửng nằm ở cao độ bất kỳ không tính vào số tầng của công trình khi có diện tích không lớn hơn 40% diện tích một tầng của công trình đó.

Đối với các công trình nhà, kết cấu dạng nhà, công trình nhiều tầng có sàn (không bao gồm nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh, nhà kho, nhà sản xuất), tầng lửng không tính vào số tầng của công trình khi chỉ bố trí sử dụng làm khu kỹ thuật (ví dụ: sàn kỹ thuật đáy bể bơi, sàn đặt máy phát điện, hoặc các thiết bị công trình khác), có diện tích sàn xây dựng không vượt quá 10% diện tích sàn xây dựng của tầng ngay bên dưới và không vượt quá 300 m².

Mỗi công trình chỉ được xác định có một tầng lửng không tính vào số tầng của công trình.

1.4.25**Khối tích**

Khối tích quy định trong Quy chuẩn này là tổng khối tích của tòa nhà theo quy định tại TCVN 9255.

1.4.26**Diện tích**

Diện tích được tính theo quy định của TCVN 9255.

CHÚ THÍCH: Trường hợp các nhà đã bảo đảm về khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy, thoát nạn và ngăn cháy lan, được kết nối với nhau bởi các lối đi (hành lang cầu) thì cho phép tính diện tích và khối tích riêng biệt của từng nhà.

1.4.27**Khu vực có quy trình ướt**

Là khu vực có độ ẩm không khí trong nhà trên 75% ở nhiệt độ từ 12°C đến 24°C hoặc trên 60% ở nhiệt độ trên 24°C được tạo ra bởi hơi nước lưu thông do chính hoạt động của gian phòng (ví dụ: phun hơi nước, phun tia nước dạng sương).

1.4.28**Bến cảng biển**

Là khu vực bao gồm vùng đất và vùng nước thuộc một cảng biển, được xây dựng cầu cảng, kho, bãi, nhà xưởng, trụ sở, cơ sở dịch vụ, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước, vùng nước trước cầu cảng, luồng hàng hải và các công trình phụ trợ khác.

1.4.29**Trạm biển áp không người trực**

Là trạm biển áp không có người trực vận hành tại chỗ. Việc giám sát và vận hành trạm biển áp không người trực được thực hiện từ xa tại trung tâm điều khiển.

QCVN 10:2025/BCA

1.4.30**Chất lỏng dễ cháy**

Là chất lỏng có điểm chớp cháy dưới 37,8°C.

1.4.31**Chất lỏng cháy**

Chất lỏng hoặc hỗn hợp các chất lỏng hoặc chất lỏng có chứa chất rắn hòa tan hay dạng huyền phù có điểm chớp cháy bằng hoặc lớn hơn 37,8°C.

1.5. Yêu cầu chung

1.5.1 Nhà, công trình, hạ tầng kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy của khu đô thị, khu nhà ở, khu dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục, thể thao không phụ thuộc vào chủ sở hữu và đơn vị chủ quản phải trang bị các phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của Quy chuẩn này.

1.5.2 Nhà, công trình, gian phòng dựa trên tính nguy hiểm cháy theo công năng được phân thành các nhóm F1, F2, F3, F4, F5 theo quy định tại QCVN 06:/BXD; nhà, công trình và gian phòng có công năng sản xuất, kho (nhóm F5) theo tính nguy hiểm cháy và cháy nổ được phân thành các hạng A, B, C, D, E theo quy định tại QCVN 06:/BXD. Phân loại kỹ thuật về cháy (bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy...) của nhà và công trình xác định theo quy định tại QCVN 06:/BXD.

1.5.3 Loại và nhóm đám cháy quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 - Loại và nhóm đám cháy

Ký hiệu loại đám cháy	Đặc tính của loại đám cháy	Ký hiệu nhóm đám cháy	Đặc tính của nhóm đám cháy
A	Cháy chất rắn	A1	Cháy các chất rắn với quá trình cháy âm ỉ (ví dụ: gỗ, giấy, cỏ khô, rơm rạ, than, sản phẩm dệt...)
		A2	Cháy các chất rắn nhưng không có quá trình cháy âm ỉ (ví dụ: chất dẻo...)

QCVN 10:2025/BCA**Bảng 1 (kết thúc)**

Ký hiệu loại đám cháy	Đặc tính của loại đám cháy	Ký hiệu nhóm đám cháy	Đặc tính của nhóm đám cháy
B	Cháy chất lỏng	B1	Cháy chất lỏng không tan trong nước (ví dụ: xăng ete, nhiên liệu dầu mỡ); cháy chất rắn hóa lỏng (ví dụ: paraffin...)
		B2	Cháy các chất lỏng hòa tan trong nước (ví dụ: rượu, metanol, glycerin...)
C	Cháy các chất khí	C	Cháy các chất khí (ví dụ: metan, hydro, propan...)
D	Cháy các kim loại	D1	Cháy các chất kim loại nhẹ (ví dụ: nhôm, magiê và hợp kim của chúng...), trừ các kim loại kiềm
		D2	Cháy kim loại kiềm và các kim loại đồng dạng khác (ví dụ: natri, kali...)
		D3	Cháy các hợp chất có chứa kim loại (ví dụ: các hợp chất hữu cơ kim loại, hydrua kim loại...)
E	Cháy các thiết bị mang điện	E	Cháy vật liệu cấu thành nên thiết bị điện, có thể là chất dẻo, kim loại... trong đám cháy có thể còn dòng điện trong thiết bị

1.5.4 Lựa chọn loại phương tiện, phương pháp chữa cháy, loại chất chữa cháy phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cháy của nhà, công trình, gian phòng, thiết bị với từng loại đám cháy, với khả năng, hiệu quả của phương tiện chữa cháy và từng loại chất chữa cháy quy định tại 1.5.5 của Quy chuẩn này. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải đáp ứng yêu cầu vận hành an toàn trong điều kiện môi trường bình thường.

1.5.5 Hiệu quả chữa cháy của các chất chữa cháy quy định tại Bảng 2.

QCVN 10:2025/BCA

Bảng 2 - Hiệu quả chữa cháy của các chất chữa cháy

Chất chữa cháy		Hiệu quả chữa cháy các loại đám cháy				
		A	B	C	D	E
Nước	Phun tia	++	-	-	-	-
	Phun sương	++	+	-	-	+(1)
Chất chữa cháy gốc nước	Phun tia	+++	+++	-	-	-
	Phun sương	+++	+++	-	-	++(1)
Bột	Bội số nở thấp	++	++	-	-	-
	Bội số nở trung bình	+	++	-	-	-
Bột	Bội số nở cao	+	+	-	-	-
	Bột chứa flo	++	+++	-	-	-
Khí	Khí CO ₂ , Nitơ	+	+	+	-	+++
	Khí Freon ⁽²⁾	+	++	+	-	++
Aerosol (Sol-khí)		++	++	++	-	++
Bột		++	+++	+++	+++	++
(1) Tuân thủ các yêu cầu an toàn điện. (2) Khí Freon là các khí chữa cháy có thành phần chlorofluorocarbon hoặc hydrofluorocarbon như: HFC-227ea, FK-5-1-12... CHÚ THÍCH: Dấu “+++” Chữa cháy rất hiệu quả. Dấu “++” Chữa cháy hiệu quả. Dấu “+” Chữa cháy hiệu quả thấp Dấu “-” Chữa cháy không thích hợp. Khi nhà, công trình, gian phòng, khu vực có từ hai chất chữa cháy hiệu quả thấp hoặc hiệu quả hoặc rất hiệu quả trở lên thì được phép lựa chọn một trong các chất chữa cháy này nhằm hạn chế việc hư hại các thiết bị, máy móc trong khu vực bảo vệ do chất chữa cháy gây ra. Không được sử dụng chất chữa cháy mà các chất này có thể gây ra phản ứng hóa học với chất có trong khu vực bảo vệ dẫn đến cháy, nổ.						

1.5.6 Đối với gian phòng có chiều cao không quá 10 m (chiều cao gian phòng được tính từ sàn đến điểm cao nhất của mái dốc, mái chữ A, trần) trong nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F5 (không bao gồm các gian phòng

QCVN 10:2025/BCA

F5 nằm trong nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác) đã trang bị hệ thống chữa cháy tự động, có kết nối liên động với trung tâm báo cháy thì cho phép không trang bị đầu báo cháy tự động (các thiết bị khác của hệ thống báo cháy tự động phải trang bị bảo đảm theo quy định) và bảo đảm điều khiển các thiết bị ngoại vi theo yêu cầu.

CHÚ THÍCH: Trường hợp các công tắc dòng chảy hoặc công tắc áp suất hoặc thiết bị có chức năng tương tự của hệ thống chữa cháy được sử dụng làm tín hiệu báo cháy và được giám sát bởi trung tâm báo cháy thì mỗi thiết bị được coi là một vùng phát hiện cháy riêng.

1.5.7 Việc trang bị phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà, công trình căn cứ trên cơ sở phân tích công năng sử dụng, tính chất nguy hiểm cháy và các yếu tố khác liên quan đến việc bảo vệ con người và tài sản. Đối với nhà, công trình không được quy định tại các Phụ lục A, B, H thì việc trang bị, bố trí phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện như với nhà, công trình có công năng tương tự xác định theo nhóm nguy hiểm cháy theo công năng quy định tại QCVN 06:/BXD.

1.5.8 Nhà hỗn hợp, nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp phải áp dụng các quy định về trang bị, bố trí phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với nhà hỗn hợp, nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp khi diện tích sàn xây dựng dùng cho mỗi công năng của nhà không vượt quá 70% tổng diện tích sàn xây dựng của nhà (không bao gồm các diện tích sàn dùng cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy, chữa cháy, gian lánh nạn và đỗ xe);

Nhà hỗn hợp, nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp phải áp dụng các quy định về trang bị, bố trí phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo công năng mà có diện tích sàn xây dựng dùng cho công năng đó của nhà vượt quá 70% tổng diện tích sàn xây dựng của nhà (không bao gồm các diện tích sàn dùng cho hệ thống kỹ thuật, phòng cháy, chữa cháy, gian lánh nạn và đỗ xe).

1.5.9 Khi xác định yêu cầu trang bị hệ thống chữa cháy tự động và/hoặc hệ thống báo cháy tự động trước tiên cần xác định yêu cầu trang bị cho toàn bộ nhà (Bảng A.1), sau đó cho từng hạng mục/khu vực (Bảng A.2) và gian phòng trong nhà (Bảng A.3), cũng như thiết bị nằm trong phạm vi của công trình (Bảng A.4).

QCVN 10:2025/BCA

Đối với nhà có phần ngầm và phần trên mặt đất được ngăn thành các khoang được ngăn cháy độc lập với nhau và lối ra thoát nạn riêng thì xem xét việc trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho từng phần theo quy định của Quy chuẩn này.

1.5.10 Đối với nhà bậc chịu lửa I, II, III không được phân chia hoặc được phân chia thành các gian phòng bởi các kết cấu xây dựng: tường ngăn cháy, sàn ngăn cháy có giới hạn chịu lửa thấp hơn REI 45, vách ngăn cháy có giới hạn chịu lửa thấp hơn EI 45; đối với nhà bậc chịu lửa IV, V không được phân chia hoặc được phân chia thành các gian phòng bởi các kết cấu xây dựng: tường, sàn có giới hạn chịu lửa thấp hơn REI 15, vách có giới hạn chịu lửa thấp hơn EI 15 thì trang bị hệ thống báo cháy tự động và/hoặc hệ thống chữa cháy tự động tương ứng với gian phòng theo Bảng A.3.

1.5.12 Nhà, công trình, hạng mục/khu vực, gian phòng có quy mô quy định tại Phụ lục A phải trang bị hệ thống chữa cháy tự động và/hoặc hệ thống báo cháy tự động cho toàn bộ nhà, công trình, gian phòng, trừ quy định tại 1.5.12 và các khu vực sau:

- Khu vực có quy trình ướm, hồ bơi, phòng tắm, phòng rửa, phòng vệ sinh;
- Gian phòng hạng nguy hiểm cháy E; gian phòng hạng nguy hiểm cháy C4 (trừ các gian phòng trong nhà nhóm nguy hiểm cháy theo công năng nhóm F1.1, F1.2, F2.1, F4.1, F4.2);
- Hành lang bên;
- Cầu thang bộ, buồng thang bộ;
- Khoang đệm ngăn cháy;
- Khu vực không có nguy hiểm về cháy.

CHÚ THÍCH: Khu vực không có nguy hiểm về cháy là khu vực không có chất, vật liệu cháy được hoặc không có nguồn phát sinh nhiệt để gây cháy (ví dụ: trục đường ống nước, bể nước...).

1.5.12 Cho phép chỉ bố trí đầu phun sprinkler của hệ thống chữa cháy tự động bằng nước tại cửa căn hộ (lắp đặt tại vị trí bên trong căn hộ) đối với căn hộ của nhà nhóm F1.3 khi chiều cao PCCC của nhà không quá 100 m.

QCVN 10:2025/BCA

1.5.13 Bảo dưỡng phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

- Bảo dưỡng thực hiện ít nhất một năm một lần đối với: hệ thống báo cháy tự động, thiết bị báo cháy độc lập; phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn; hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà; hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà; hệ thống, thiết bị chữa cháy tự động.

- Bình chữa cháy được bảo dưỡng ít nhất sáu tháng một lần.

- Nội dung, cách thức bảo dưỡng phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành liên quan.

- Đối với phương tiện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có quy định về thời hạn bảo dưỡng trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ít hơn thời hạn quy định tại Quy chuẩn này thì thực hiện theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan; trường hợp có quy định về thời hạn bảo dưỡng nhiều hơn thời hạn quy định tại Quy chuẩn này thì thực hiện theo quy định của Quy chuẩn này.

2. QUY ĐỊNH VỀ TRANG BỊ, BỐ TRÍ PHƯƠNG TIỆN, HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH

2.1 Trang bị, bố trí hệ thống, thiết bị báo cháy tự động

2.1.1 Danh mục nhà, hạng mục/khu vực, gian phòng phải trang bị hệ thống báo cháy tự động, thiết bị báo cháy độc lập được quy định tại Phụ lục A.

Việc lựa chọn, bố trí thiết bị báo cháy độc lập được thực hiện theo quy định như đối với các thiết bị tương tự của hệ thống báo cháy tự động.

2.1.2 Yêu cầu về thiết kế, lắp đặt đối với hệ thống báo cháy tự động được quy định tại TCVN 7568-14, TCVN 7568-25.

2.2 Trang bị, bố trí phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn

2.2.1 Nhà, công trình phải trang bị phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn theo quy định tại TCVN 13456.

QCVN 10:2025/BCA

2.2.2 Việc thiết kế, lắp đặt phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn được quy định tại TCVN 13456.

2.2.3 Công trình đang thi công xây dựng phải trang bị đèn chiếu sáng sự cố có nguồn dự phòng không thấp hơn 1h tại một số khu vực đã được bố trí trong công trình có các chức năng như: phòng máy phát điện; phòng máy biến áp; phòng bơm cấp nước chữa cháy. Đèn chiếu sáng sự cố phải đảm bảo độ rọi theo phương nằm ngang trên mặt sàn không được nhỏ hơn 0,5 lux.

2.2.4 Nhà, công trình phải trang bị hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn được quy định tại Phụ lục G.

2.2.5 Việc thiết kế, lắp đặt hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại H.4.

2.3 Trang bị, bố trí hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà

2.3.1 Đối tượng trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà được quy định tại Phụ lục C.

2.3.2 Cho phép không trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà khi nhà, công trình nằm trong bán kính 400 m tính từ trụ cấp nước chữa cháy hoặc từ bến lấy nước của các nguồn nước tự nhiên hoặc nhân tạo như ao, hồ, sông, bể nước và nguồn nước nhân tạo khác đến mọi điểm của nhà xét theo phương ngang và lưu lượng/trữ lượng nước chữa cháy bảo đảm theo quy định.

Trường hợp không bảo đảm lưu lượng/trữ lượng nước chữa cháy theo quy định thì phải trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà (khi tính toán lưu lượng/trữ lượng của hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, cho phép tính cộng lưu lượng/trữ lượng nước của hạ tầng cấp nước chữa cháy ngoài nhà hoặc các nguồn nước tự nhiên hoặc nhân tạo như ao, hồ, sông, bể nước và nguồn nước nhân tạo khác).

CHÚ THÍCH 1: Yêu cầu đối với bến lấy nước được quy định tại H.1.5.4.

CHÚ THÍCH 2: Nguồn nước tự nhiên hoặc nhân tạo phải là nguồn nước công cộng hoặc trong nội bộ dự án, công trình.

2.3.3 Việc thiết kế, lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà quy định tại H.1, H.2 và TCVN 6379.

2.4 Trang bị, bố trí hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà

2.4.1 Nhà, công trình phải trang bị hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà được quy định tại Phụ lục B.

QCVN 10:2025/BCA

CHÚ THÍCH: Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà có thể bố trí độc lập hoặc kết hợp với hệ thống chữa cháy tự động bằng nước. Khi bố trí kết hợp phải bảo đảm yêu cầu theo quy định về hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và hệ thống chữa cháy tự động.

2.4.2 Việc thiết kế, lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà quy định tại H.2, H.3.

CHÚ THÍCH: Máy bơm cấp nước chữa cháy của hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà phải được điều khiển bằng tay hoặc điều khiển tự động hoặc điều khiển từ xa. Đối với hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà của các nhà sản xuất, nhà kho có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ A, B, C1; nhà có chiều cao PCCC từ 25 m trở lên; chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn; nhà sử dụng với mục đích kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường thuộc cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường; nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa thuộc cảng hàng không; nhà ga hàng hóa, đề - pô (depot) đường sắt; nhà ga cáp treo; nhà ga hành khách, đề - pô (depot) đường sắt đô thị; nhà hát, rạp chiếu phim, các nhà dịch vụ thuộc bến cảng biển, cảng thủy nội địa thì máy bơm phải được điều khiển bằng tay tại phòng bơm và điều khiển tự động.

2.4.3 Công trình đang thi công xây dựng có chiều cao từ 10 tầng trở lên hoặc có chiều cao PCCC từ 28 m trở lên khi thi công hoàn thiện nội thất, lắp đặt thiết bị của hệ thống cơ điện phải có giải pháp cấp nước phục vụ công tác chữa cháy đảm bảo các yêu cầu sau: bố trí tối thiểu 01 hệ thống đường ống khô có họng nước đến mỗi tầng và kết nối được với xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy bằng đầu nối được bố trí ở bên ngoài công trình để tiếp nước vào hệ thống. Tại mỗi họng nước được trang bị ít nhất 02 cuộn vòi đẩy và 01 lăng phun.

2.4.4 Nhà và công trình có chiều cao PCCC lớn hơn 28 m (lớn hơn 50 m đối với nhà nhóm F1.3) hoặc nhà có chiều sâu của sàn tầng hầm dưới cùng (tính đến cao độ của lối ra thoát nạn ra ngoài) lớn hơn 9 m phải bố trí hệ thống đường ống khô có họng chờ cấp nước DN65 được lắp đặt van khóa thường đóng cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tại các sảnh thang máy chữa cháy hoặc trong các khoang đệm của buồng thang bộ không nhiễm khói. Hệ thống đường ống khô phải đảm bảo các yêu cầu:

- Có đường kính ống tối thiểu DN65;
- Có van một chiều hướng từ ngoài vào hệ thống đường ống tại vị trí họng chờ tiếp nước, có đầu nối với kích cỡ phù hợp lắp đặt ở ngoài nhà để đầu nối với các bơm áp lực cao của xe chữa cháy;

QCVN 10:2025/BCA

- Có van xả khí tại điểm cao nhất của hệ thống đường ống;
- Có van xả nước tại vị trí thấp nhất của hệ thống đường ống;
- Tại vị trí họng chờ tiếp nước phải có chỉ thị khu vực phục vụ của hệ thống đường ống họng khô.

2.5 Trang bị, bố trí hệ thống, thiết bị chữa cháy tự động

2.5.1 Nhà, hạng mục/khu vực, gian phòng, thiết bị phải trang bị, bố trí hệ thống, thiết bị chữa cháy tự động theo quy định tại Phụ lục A. Chất chữa cháy sử dụng trong hệ thống chữa cháy tự động có hiệu quả chữa cháy phù hợp với loại đám cháy của khu vực bảo vệ theo quy định tại 1.5.3 Quy chuẩn này và phù hợp với yêu cầu cần bảo vệ.

2.5.2 Việc thiết kế, lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động được quy định tại các tiêu chuẩn tương ứng, bao gồm TCVN 7336, TCVN 13926, TCVN 13657-1, TCVN 13333, TCVN 6101, TCVN 7161-1, TCVN 7161-5, TCVN 7161-9, TCVN 7161-13, TCVN 7161-14, TCVN 7161-15, TCVN 13877-2, TCVN 14496, NFPA 15.

2.5.3 Khi bố trí lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động mà chất chữa cháy có nguy hiểm cho người phải tính toán thời gian thoát nạn, đảm bảo cho người cuối cùng thoát ra khỏi căn phòng hoặc vùng cần bảo vệ trước khi hệ thống tự động xả chất chữa cháy.

2.5.4 Căn cứ điều kiện thực tế của nhà, công trình, có thể lắp đặt bình bột chữa cháy tự động kích hoạt ở mặt tường hoặc treo trên trần nhà với chiều cao thích hợp sao cho đảm bảo diện tích bảo vệ hữu hiệu theo công bố của đơn vị sản xuất. Trong bất kỳ trường hợp nào phải đảm bảo khoảng cách từ bộ phận cảm biến nhiệt đến trần nhà là không quá 40 cm. Bình bột chữa cháy tự động kích hoạt loại treo có thể được trang bị tại khu vực bếp của nhà hàng, các phòng nồi hơi, giặt là có diện tích không quá 100 m² và các phòng kỹ thuật điện có diện tích không quá 10m². Nếu lắp đặt tại khu vực có diện tích trên 100 m² thì phải phân chia thành các khu vực có diện tích đến 100 m² bằng tường ngăn cháy (có giới hạn chịu lửa không thấp hơn REI 45) hoặc vách ngăn cháy (có giới hạn chịu lửa không thấp hơn EI 45).

2.5.5 Cho phép trang bị bình khí, bình sol-khí chữa cháy tự động kích hoạt (có chức năng giám sát trạng thái thường trực của thiết bị, giám sát trạng thái khi chữa cháy, các tín hiệu này phải được liên động với hệ thống báo cháy tự động) thay thế hệ thống chữa cháy tự động tại các khu vực không thường xuyên có người

QCVN 10:2025/BCA

với diện tích không quá 100 m². Nếu lắp đặt tại khu vực có diện tích trên 100 m² thì phải phân chia thành các khu vực có diện tích không quá 100 m² bằng tường ngăn cháy (có giới hạn chịu lửa không thấp hơn REI 45) hoặc vách ngăn cháy (có giới hạn chịu lửa không thấp hơn EI 45).

Bình khí chữa cháy tự động kích hoạt loại treo phải phù hợp với TCVN 12314-2.

2.6 Trang bị, bố trí bình chữa cháy

2.6.1 Tất cả các khu vực trong nhà, công trình kể cả những nơi đã được trang bị hệ thống chữa cháy phải trang bị bình chữa cháy xách tay hoặc bình chữa cháy có bánh xe. Việc lựa chọn, tính toán trang bị và bố trí bình chữa cháy thực hiện theo quy định tại điểm 6 và điểm 7 TCVN 7435-1.

2.6.2 Đối với khu vực có diện tích hẹp và dài hoặc khu vực có nhiều cấp sàn khác nhau thì việc trang bị bình chữa cháy vẫn phải đảm bảo khoảng cách di chuyển từ vị trí để bình chữa cháy đến điểm xa nhất cần bảo vệ của 01 bình không vượt quá quy định tại điểm 7 TCVN 7435-1.

2.6.3 Trên cùng một sàn hoặc tầng nhà, nếu mặt bằng được ngăn thành các khu vực khác nhau bởi tường, vách, rào hoặc các vật cản khác không có lối đi qua lại thì việc trang bị bình chữa cháy phải riêng biệt cho mỗi khu vực và đảm bảo theo quy định tại điểm 6 và điểm 7 TCVN 7435-1.

2.6.4 Bình chữa cháy được bố trí ở vị trí dễ thấy, dễ lấy và nên có màu đỏ, trường hợp khó nhận biết có thể sử dụng các chỉ dẫn vị trí và theo các quy định tại điểm 5 TCVN 7435-1. Không được để bình chữa cháy tập trung một chỗ.

Bình chữa cháy phải luôn sẵn sàng để sử dụng ngay lập tức và được bố trí tại:

- Nơi mà những người theo đường thoát nạn dễ dàng nhìn thấy;
- Gần lối ra, vào phòng, cầu thang bộ, hành lang và lối đi;
- Ở các vị trí tương tự trên mỗi tầng, nơi các tầng có cấu trúc giống nhau.

Không đặt bình chữa cháy ở các khu vực, vị trí sau:

- Khi đám cháy tiềm ẩn có thể ngăn cản việc tiếp cận bình chữa cháy;
- Gần các thiết bị sinh nhiệt có thể ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của bình chữa cháy;
- Ở những vị trí khuất sau cửa ra, vào, trong tủ không quan sát được bình chữa cháy hoặc hốc sâu;

QCVN 10:2025/BCA

- Nơi có thể gây cản trở lối thoát nạn;
- Ở các vị trí trong phòng hoặc hành lang cách xa lối ra, trừ trường hợp cần thiết đối với nguy hiểm cháy;
- Nơi bình chữa cháy có thể bị hỏng do các hoạt động thường ngày.

2.6.5 Công trình đang thi công xây dựng phải trang bị tối thiểu 01 bình bột chữa cháy xách tay loại ABC không nhỏ hơn 4 kg cho mỗi diện tích đến 500 m² sàn xây dựng, xét riêng cho mỗi tầng công trình, kể cả các nhà tạm để phục vụ thi công xây dựng công trình (nếu diện tích chưa đủ 500 m² vẫn phải trang bị tối thiểu 01 bình bột chữa cháy xách tay loại ABC không nhỏ hơn 4 kg). Số lượng bình chữa cháy xách tay phải được trang bị gấp đôi so với số lượng yêu cầu tối thiểu khi không thể bố trí đường giao thông dành cho xe chữa cháy tiếp cận đến công trình. Các bình chữa cháy xách tay phải bố trí bảo đảm bán kính bảo vệ tối đa của bình chữa cháy xách tay là 25 m tại nơi dễ thấy, dễ lấy.

2.7 Trang bị, bố trí dụng cụ phá dỡ thô sơ, mặt nạ lọc độc và mặt nạ phòng độc cách ly

2.7.1 Nhà, công trình phải trang bị dụng cụ phá dỡ thô sơ quy định tại Phụ lục E.

Dụng cụ phá dỡ thô sơ trang bị cho nhà, công trình được bố trí tại khu vực có người thường xuyên trực về phòng cháy, chữa cháy.

2.7.2 Nhà, công trình phải trang bị mặt nạ lọc độc và mặt nạ phòng độc cách ly quy định tại Phụ lục F.

Mặt nạ lọc độc trang bị cho nhà, công trình được bố trí tại các tủ phương tiện trên hành lang, đường thoát nạn từng tầng hoặc trong các gian phòng thường xuyên có người; mặt nạ phòng độc cách ly được bố trí tại phòng trực điều khiển chống cháy hoặc khu vực thường trực về phòng cháy, chữa cháy tại vị trí dễ thấy, dễ lấy và đảm bảo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất.

2.8 Trang bị, bố trí phương tiện chữa cháy cơ giới

2.8.1 Các kho, cơ sở sản xuất, cảng hàng không, bến cảng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp ngoài việc trang bị hệ thống chữa cháy, phải trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới theo quy định tại Phụ lục D. Phương tiện chữa cháy cơ giới trang bị phải bảo đảm theo TCVN 13316 (các phần), TCVN 12110.

2.8.2 Xe ô tô chữa cháy, tàu chữa cháy trang bị cho nhà, công trình đảm bảo các yêu cầu sau:

QCVN 10:2025/BCA

- Có đặc tính kỹ thuật và tính năng chữa cháy phù hợp với loại nhà, công trình cần bảo vệ;
- Có chất chữa cháy, phương tiện, dụng cụ trang bị kèm theo đúng quy định.

3 QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1 Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo danh mục quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP trước khi lưu thông trên thị trường phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông.

3.2 Việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy, quản lý, sử dụng tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1 Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức phổ biến, hướng dẫn việc áp dụng Quy chuẩn này cho các đối tượng có liên quan.

4.2 Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm nghiên cứu, thực hiện theo quy định của Quy chuẩn này và phổ biến Quy chuẩn này đến các đơn vị và các nhân viên dưới quyền để thực hiện./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.44243
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>